

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TÂY NINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 115/2022/DS - ST
Ngày: 12-9-2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phú.

- T ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, T ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST – DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Ngọc A, sinh năm 1985.

Hộ khẩu Tòng trú: Đường A, ấp L, xã B, thành phố TA, tỉnh Tây Ninh.

Nơi ở hiện nay: Đường N, Khu phố C, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lưu Ánh N, sinh năm 1965. Cư trú tại: Đường N, Khu phố C, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phan T, sinh năm 1986; chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1987. Cư trú tại: Đường T, ấp K, xã M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Ngọc A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lưu Ánh N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim P nên chị Ân có cho anh T, chị P vay số tiền 345.000.000 đồng và tham gia góp hụi do chị Ân làm chủ thảo để có vốn kinh doanh quán ăn, cụ thể như sau:

- Về tiền vay:

+ Ngày 13-6-2018, chị P vay số tiền 95.000.000 đồng, giao nhận tiền vay bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng Tong mai cổ phần Sài Gòn Tong tín chi nhánh Tây Ninh, chị Ân sử dụng tài khoản số 050069424594 của chị Ân chuyển tiền cho chị P qua tài khoản số 050053598488 của chị P;

+ Ngày 28-6-2019, anh T vay số tiền 50.000.000 đồng, giao nhận tiền vay bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng, chị Ân sử dụng tài khoản số 050069424594 của chị Ân tại Tong mai cổ phần Sài Gòn Tong tín chi nhánh Tây Ninh, chuyển tiền cho anh T qua tài khoản số 19029267187011 của anh T tại Ngân hàng Tong mai cổ phần Kỹ Tong Việt Nam chi nhánh Tây Ninh;

+ Ngoài ra, chị P còn vay của chị Ân số tiền 200.000.000 đồng, chị P có viết giấy mượn tiền nhưng không ghi ngày, tháng, năm trong giấy mượn tiền.

Tổng cộng, anh T và chị P đã vay của chị Ân số tiền là 345.000.000 đồng.

Khi vay, hai bên không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn cho vay, anh T, chị P không có cầm cố, thế chấp tài sản hay đưa giấy tờ gì cho chị Ân để làm tin. Từ ngày vay đến nay, anh T và chị P chưa trả cho chị Ân khoản tiền nào.

- Về tiền hụi:

Anh T và chị P có tham gia góp hụi do chị Ân làm chủ thảo, cụ thể: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15-4-2018, mãn ngày 15-3-2020, hụi gồm có 24 phần, anh T, chị P tham gia 02 phần.

Anh T, chị P đã hót phần hụi thứ nhất vào ngày 15-4-2018 với số tiền 82.600.000 đồng; hót phần hụi thứ hai vào ngày 15-5-2018 với số tiền 82.800.000 đồng.

Sau khi hót hụi, anh T, chị P có đóng cho chị Ân được 02 tháng hụi chết (tháng 6, 7 năm 2018 với số tiền là 20.000.000 đồng), sau đó anh T, chị P có tiếp tục đóng hụi chết cho chị Ân nhưng không cố định số tiền hụi chết mỗi tháng là 10.000.000 đồng, có bao nhiêu đóng bấy nhiêu. Tính đến ngày mãn hụi, chị P còn nợ chị Ân 14 kỳ hụi chết với số tiền là 140.000.000 đồng.

Trước đây, chị Ân có khởi kiện anh T, chị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chị Ân yêu cầu anh T, chị P trả số tiền vay 800.000.000 đồng và tiền lãi, đã được Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh giải quyết tại Bản án số 09/2022/DS – ST ngày 21-02-2022 (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Trong vụ án này, chị Ân xác định số tiền 15.000.000 đồng do anh T chuyển khoản ngày 19-3-2020, số tiền 50.000.000 đồng anh T nhờ chị Thanh chuyển khoản cho chị Ân ngày 23-02-2020 và trong số tiền

130.000.000 đồng chị P chuyển khoản cho chị Ân ngày 19-6-2018 có 10.000.000 đồng là chuyển trả tiền hụi của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng nêu trên, tổng cộng tiền hụi anh T, chị P đã trả cho chị Ân là 75.000.000 đồng nhưng anh T, chị P xác định số tiền này trả cho nợ vay nên Tòa án xét xử khấu trừ vào nợ vay, do đó, tính đến nay, anh T, chị P vẫn còn nợ chị Ân số tiền nợ hụi là 75.000.000 đồng.

Tại Đơn khởi kiện, chị Ân yêu cầu anh T và chị P trả tiền nợ vay là 345.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 140.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nay chị Ân (do bà Lưu Ánh N là người đại diện theo ủy quyền) xác định đối với tiền hụi chết, anh T và chị P còn nợ chị Ân số tiền 75.000.000 đồng nên yêu cầu anh T, chị P trả 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị Ân rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 345.000.000 đồng. Ngoài ra, chị Ân không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P là vợ chồng, anh chị làm nghề kinh doanh quán ăn. Chị P xác nhận có vay tiền và tham gia góp hụi, hốt hụi để có vốn kinh doanh như chị Ân trình bày. Khi vay, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 9.000.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng tiền nợ gốc, về thời hạn cho vay thì chị P không nhớ. Khi vay, anh T và chị P không có cầm cố, thế chấp tài sản hay đưa giấy tờ gì cho chị Ân để làm tin. Chị P đã trả hết nợ vay 345.000.000 đồng và nợ hụi 140.000.000 đồng cho chị Ân, về tài liệu, chứng cứ chứng minh thì chị P đã cung cấp cho Tòa án trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 571/2020/TLST – DS ngày 23-12-2020 (vụ án do Thẩm phán Võ Thanh Hùng giải quyết), chị P không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác trong vụ án này. Nay chị P không đồng ý trả cho chị Ân số tiền nợ vay và nợ hụi nêu trên. Ngoài ra, chị P không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Phan T trình bày:

Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Ân vì anh T, chị P đã trả hết nợ cho chị Ân.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của chị Dương Ngọc A đối với anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, buộc anh T và chị P trả cho chị Ân số tiền nợ hụi là 75.000.000 đồng, ghi nhận chị Ân không yêu cầu tính lãi. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Ân đối với anh T và chị P về việc trả số tiền nợ vay là 345.000.000 đồng. Giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

- Những kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Ngọc A khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và góp hụi với bị đơn anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P có địa chỉ cư trú tại: Đường T, ấp K, xã M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tính từ ngày anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay và nợ hụi đến ngày Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh nhận được đơn khởi kiện của chị Dương Ngọc A (ngày 01-4-2022) chưa quá 03 năm, căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi vẫn còn.

[1.3] Về phạm vi khởi kiện: Ngày 04-8-2022, chị Ân có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 345.000.000 đồng, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Ân đối với anh T, chị P về việc trả số tiền vay 345.000.000 đồng, chị Ân có quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[1.4] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự, người đại diện của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lưu Ánh N và bị đơn anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Nguyệt, anh T, chị P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc A đối với anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim P về việc trả số tiền nợ hụi 75.000.000 đồng:

Xét thấy, việc anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P tham gia góp hui do chị Ân làm chủ thảo là có thật và hoàn toàn tự nguyện, được các bên đương sự thừa nhận. Cụ thể: Hui 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15-4-2018, mãn ngày 15-3-2020, hui gồm có 24 phần, anh T, chị P tham gia 02 phần. Anh T, chị P đã hót phần hui thứ nhất vào ngày 15-4-2018 với số tiền 82.600.000 đồng, hót phần hui thứ hai vào ngày 15-5-2018 với số tiền 82.800.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị P xác nhận đã hót hết 02 phần hui, đã đóng hui chết xong cho chị Ân, về tài liệu chứng cứ chứng minh chị P đã cung cấp trong hồ sơ vụ án thụ lý số 571/2020/TLST – DS ngày 23-12-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Ân và anh T, chị P, chị P không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

Theo tài liệu, chứng cứ thu thập từ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 571/2020/TLST – DS ngày 23-12-2020 (Bút lục 20, 21) thể hiện: Chị Ân xác định số tiền 15.000.000 đồng do anh T chuyển khoản ngày 19-3-2020, số tiền 50.000.000 đồng anh T nhờ chị Thanh chuyển khoản cho chị Ân ngày 23-02-2020 và trong số tiền 130.000.000 đồng chị P chuyển khoản cho chị Ân ngày 19-6-2018 có 10.000.000 đồng là chuyển trả tiền hui của dây hui 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15-4-2018, mãn ngày 15-3-2020, tổng cộng tiền hui anh T, chị P đã trả cho chị Ân là 75.000.000 đồng nên chị Ân xác định anh T, chị P không còn nợ chị Ân tiền nợ hui. Tuy nhiên, anh T, chị P xác định số tiền trên anh T, chị P trả cho khoản vay 800.000.000 đồng, không phải trả tiền nợ hui (Bút lục 22 – 25).

Tại Bản án số 09/2022/DS – ST ngày 21-02-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (Bút lục 36) tuyên xử: “Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ân, buộc anh T và chị P trả cho chị Ân số tiền nợ gốc 319.500.000 đồng và tiền lãi là 122.133.700 đồng”. Như vậy, bản án nêu trên chỉ xác định nghĩa vụ trả nợ vay của anh T, chị P đối với chị Ân, không xác định nghĩa vụ trả nợ hui.

Trong vụ án này, chị Ân có cung cấp bản chính biên nhận tiền hui ngày 15-4-2018 với số tiền 82.600.000 đồng và biên nhận tiền hui ngày 15-5-2018 với số tiền 82.800.000 đồng. Chị P thừa nhận có hót hui như chị Ân trình bày nhưng anh T và chị P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả hết tiền hui chết cho chị Ân nên có cơ sở xác định anh T, chị P còn nợ chị Ân tiền hui chết của dây hui nêu trên là 75.000.000 đồng. Do đó, anh T, chị P có nghĩa vụ trả cho chị Ân số tiền nợ hui 75.000.000 đồng, ghi nhận chị Ân không yêu cầu tính lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Ngọc A khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P trả số tiền hui 75.000.000 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 75.000.000 đồng x 5% = 3.750.000 đồng.

- Chị Dương Ngọc A không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Ân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.700.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000943 ngày 28-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 16, 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;
- Các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 147, 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng góp hội” chị Dương Ngọc A đối với anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P. Buộc anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P trả cho chị Dương Ngọc A số tiền nợ hội là 75.000.000 đồng. Ghi nhận chị Ân không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc A đối với anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P về việc trả số tiền nợ vay 345.000.000 đồng. Chị Ân được quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu đã rút.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phan T và chị Nguyễn Thị Kim P chịu 3.750.000 đồng. Chị Dương Ngọc A không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Ân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.700.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000943 ngày 28-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải

phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Ánh Tuyết